

UBND TỈNH THANH HÓA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PHẠM THỊ XUÂN

YẾU TỐ TRIẾT LUẬN TRONG TÁC PHẨM
CỦA NGUYỄN MINH CHÂU VÀ NGUYỄN KHẢI

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 9.22.01.21

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Thanh Hóa - 2021

Luận án được hoàn thành tại: **Trường Đại học Hồng Đức**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hỏa Diệu Thúy

Phản biện 1: PGS.TS. Hà Văn Đức

Phản biện 2: PGS.TS. Lại Văn Hùng

Phản biện 3: PGS.TS. Tôn Phương Lan

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp trường tại:
Trường Đại học Hồng Đức, ngày tháng năm 2021**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư Viện Quốc gia Việt Nam
- Thư Viện Trường Đại học Hồng Đức

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Phạm Thị Xuan**, Hoa Dieu Thuy (2020), “Style of philosophical discusion in Nguyen Khai’s prose”, *Hong Duc university journal of science*, E6/ Vol.11.2020: 125 - 132.
2. **Phạm Thị Xuân** (2019), “Tính triết luận trong quan niệm về văn chương của Nguyễn Khải”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 64/2019: 44 - 50.
3. **Phạm Thị Xuân** (2018), “ Tư duy triết lý trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu nhìn từ phương diện đề tài, chủ đề”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, số 41/2018: 143 - 150.
4. **Phạm Thị Xuân** (2017), “ Tư duy triết lý trong truyện ngắn của Nguyễn Khải”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, số 36/2017: 140 - 146.
5. **Phạm Thị Xuân** (2017), “Triết lý về con người và cuộc sống trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, số đặc biệt/2017: 240 - 244.
6. Hòa Diệu Thúy, **Phạm Thị Xuân** (2015), “Xu hướng triết lý trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu”, *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, số 246/2015: 19 - 23.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Tác phẩm sống bằng tư tưởng, một tác phẩm thiếu tư tưởng thì dù có cài hoa kết lá, tô vẽ cho vẻ ngoài lộng lẫy đến mấy cũng sẽ nhanh chóng rơi vào tình trạng “sớm nở tối tàn”. Tư tưởng của tác phẩm đem lại khoái cảm trí tuệ và sự tác động cũng như sức ảnh hưởng của tác phẩm cũng chính là do tư tưởng mang lại. Tác phẩm có tư tưởng thường không thể thiếu yếu tố triết luận, bởi, những vấn đề đạt tầm tư tưởng luôn chạm đến yếu tố cốt lõi của cuộc sống hay quy luật, vì vậy, luôn thu hút những cuộc trao đổi, tranh luận. Yếu tố triết luận nâng tầm tư tưởng cho tác phẩm. Sẽ không ngạc nhiên, nếu nhà văn là triết gia. Một nền văn học lớn không thể thiếu những nhà văn với tác phẩm giàu tư tưởng và giàu tính triết luận.

Vừa thuộc phạm trù nhận thức, vừa thuộc phạm trù phản ánh, là kết quả và cũng là mục đích hướng tới của con người trong quá trình khám phá và chinh phục thế giới, yếu tố triết luận luôn hiện diện ở mọi phương diện đời sống văn hóa của con người. Văn chương, với ưu thế nổi bật là sử dụng công cụ ngôn ngữ nên được lựa chọn/ tìm đến để bộc lộ nhu cầu triết luận rõ nhất và cũng phong phú nhất. Khi nhà văn là nhà tư tưởng, tác phẩm của họ sẽ hướng đến những vấn đề có ý nghĩa với cộng đồng, nhân loại, sẽ không chỉ có ý nghĩa với một thời mà có khả năng vượt biên giới, vượt thời gian. Nghiên cứu yếu tố triết luận trong tác phẩm văn chương chính là góp phần khám phá, làm tỏa sáng giá trị và tầm vóc tác phẩm.

1.2. Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là những tên tuổi xuất sắc. Hai tác giả cùng có đóng góp nổi bật ở cả hai thời kỳ chiến tranh và hậu chiến, trước Đổi mới và khơi nguồn đổi mới, góp phần đưa văn học Việt Nam tiếp cận với văn học thế giới hiện đại. Cả hai thuộc lớp thế hệ nhà văn - chiến sỹ, cùng yêu mến và kính trọng nhà văn Nam Cao. Có lẽ, không hẹn mà gặp, trong thâm tâm cả hai cây bút đều tâm đắc điều mà cây bút đàn anh đã từng trần trụi và coi là mục tiêu của ngòi bút: *Văn chương phải khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có*. Đặc biệt, cũng giống như chí hướng của bậc đàn anh, cái đích của sáng tạo ở cả hai cây bút đều hướng ra bề đời nhân bản.

Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải - hai cá tính sáng tạo, mỗi người một vẻ, nhưng nếu đặt cạnh nhau, người ta bỗng bất ngờ bởi nét tương đồng, đó là cùng đam mê triết lý, triết luận, đều rất coi trọng yếu tố

tư tưởng trong tác phẩm. Độc giả, cũng như các nhà nghiên cứu khi tiếp cận tác phẩm của hai nhà văn dường như đều có chung ấn tượng, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải rất giàu tính triết luận. Dù có điểm gặp gỡ, họ vẫn mỗi người một vẻ, chinh phục độc giả bởi cá tính sáng tạo của riêng mình. Có lẽ vì vậy, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải luôn được quan tâm, yêu mến của độc giả nói chung, giới nghiên cứu nói riêng.

Cho đến nay, đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu tìm hiểu, đánh giá yếu tố triết luận trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải, song, dường như chỉ mới có những tìm hiểu, nghiên cứu độc lập ở từng tác giả hoặc ở một phương diện nào đó của tác phẩm. Chúng tôi cho rằng, một công trình nghiên cứu chuyên sâu kết hợp với góc nhìn so sánh sẽ là hướng tiếp cận mới mẻ và có ý nghĩa khoa học để nhận ra nét riêng độc đáo trong tư duy và cá tính nghệ thuật của mỗi cây bút. Đó là lý do luận án mạnh dạn đề xuất và nghiên cứu đề tài này.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: “Yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải từ góc nhìn so sánh”.

Phạm vi nghiên cứu: Luận án sẽ tìm hiểu, nghiên cứu yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải; trên cơ sở đó tìm ra những nét tương đồng và khác biệt trong tư duy triết luận của hai tác giả, cũng là để tìm ra cá tính sáng tạo của hai cây bút có đóng góp đáng kể cho văn học Việt Nam hiện đại.

Phạm vi và tư liệu khảo sát: Về phương diện thể loại tác phẩm, luận án sẽ tập trung nghiên cứu các tác phẩm thuộc thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Thêm nữa, nếu lấy mốc 1975 để tìm hiểu, nghiên cứu và khẳng định sự vận động, phát triển trong phong cách của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải thì phẩm chất/ đặc điểm triết luận dường như đã là tố chất cốt yếu trong tư duy và bút pháp của hai cây bút này ở cả hai giai đoạn. Tuy nhiên, sau 1975, điều kiện, hoàn cảnh cho hoạt động sáng tạo đã trở nên rộng rãi và dân chủ hơn, tư duy triết luận trong mỗi cây bút mới bộc lộ một cách toàn diện, sâu sắc nhất. Vì vậy, luận án một mặt, sẽ khảo sát toàn bộ tác phẩm của hai tác giả, song, mặt khác sẽ ưu tiên nghiên cứu sâu hơn những tác phẩm viết sau 1975.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Thông qua phân tích biểu hiện yếu tố triết luận trong sáng tác của hai tác giả Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải, luận án không chỉ tìm ra và phân tích, lý giải những điểm tương đồng mà còn làm rõ những khác biệt trong phong cách triết luận của hai cây bút.

Từ đó, góp thêm tiếng nói khẳng định tài năng và cống hiến nghệ thuật của hai tác giả đối với nền văn chương Việt Nam hiện đại.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Với mục đích trên, luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu chính sau:

Thứ nhất, trên cơ sở thống kê, phân loại các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, luận án sẽ xác lập khái niệm, xác định vị trí của yếu tố triết luận trong văn chương, mối liên hệ giữa yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải với thực tiễn sáng tạo.

Nhiệm vụ tiếp theo của luận án nghiên cứu yếu tố triết luận trong sáng tác của hai tác giả Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải. Nhiệm vụ này được thực hiện ở chương hai và chương ba của luận án.

Cuối cùng, luận án sẽ thực hiện nghiên cứu chỉ ra sự giống nhau và khác nhau trong tư duy và bút pháp triết luận của hai tác giả thông qua việc phân tích những biểu hiện ở nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Qua đó, làm rõ cá tính sáng tạo của mỗi cây bút, đồng thời khẳng định tài năng nghệ thuật của hai tác giả có đóng góp lớn cho nền văn học Việt Nam hiện đại.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai đề tài, chúng tôi sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp tiêu sử học: Với đối tượng nghiên cứu là hai tác giả mà tác phẩm của họ chịu sự tác động và chi phối lớn từ hoàn cảnh nên luận án sẽ vận dụng phương pháp tiêu sử học cùng với cách tiếp cận lịch sử để lý giải một số vấn đề.

- Phương pháp phân tích văn học: Với đối tượng nghiên cứu là tác phẩm văn chương, phương pháp phân tích văn học cũng sẽ là phương pháp nghiên cứu được vận dụng thường xuyên. Từ những phân tích cụ thể, sẽ giúp cho những đánh giá, khái quát có cơ sở và thuyết phục;

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: Bản thân đề tài nghiên cứu đã đặt ra yêu cầu phải vận dụng phương pháp so sánh, đối chiếu để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa hai cá tính phong cách. Luận án sẽ sử dụng cả hai phương thức so sánh: đồng đại (cùng giai đoạn/ chặng) và so sánh lịch đại (trước với sau) để thấy sự vận động thay đổi ở mỗi cây bút.

- Ngoài ra, luận án sẽ sử dụng các phương pháp thông dụng khác, như: phương pháp hệ thống, phương pháp thống kê, phân loại. Đây là các phương pháp nghiên cứu quan trọng của đề tài, giúp cho việc tổ chức và triển khai các ý tưởng của đề tài một cách mạch lạc, logic, cũng như để nhận diện dữ liệu, nhận diện những dấu hiệu nghệ thuật, tìm ra

những căn cứ trên cơ sở đó để quy nạp, đánh giá thành những kết luận khoa học.

Đề tài cũng sẽ phối hợp vận dụng phương pháp tự sự học, phương pháp nghiên cứu liên ngành, cùng với việc tham khảo thêm các lý thuyết hiện đại, để nghiên cứu và phân tích tác phẩm nhằm làm sáng tỏ hơn độc đáo nghệ thuật của mỗi cây bút.

5. Đóng góp mới và ý nghĩa khoa học của đề tài

- Luận án là công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải - yếu tố làm nên cá tính nghệ thuật đặc sắc trong bút pháp của hai tác giả;

- Từ những khảo sát và phân tích chuyên sâu, luận án so sánh, đối chiếu chỉ ra điểm gặp gỡ và khác biệt trong tư duy và bút pháp (thông qua yếu tố triết luận) của hai cây bút tiêu biểu của nền văn chương Việt Nam hiện đại. Đây cũng là lần đầu tiên tác phẩm của hai tác giả Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải được soi chiếu từ góc nhìn so sánh - một cách thức hữu hiệu để nhận ra cá tính phong cách nghệ thuật của mỗi cây bút.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, ứng với nhiệm vụ nghiên cứu, luận án có kết cấu bốn chương nội dung:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài

Chương 2: Biểu hiện của yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu

Chương 3: Biểu hiện của yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Khải

Chương 4: Những gặp gỡ và khác biệt trong bút pháp triết luận của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Xung quanh khái niệm “triết luận” và vị trí của yếu tố “triết luận” trong văn chương

1.1.1. Khái niệm “triết luận” và một số thuật ngữ liên quan

Ở góc độ chiết tự, khái niệm "triết luận" là sự kết hợp của hai từ: “triết” là “lý trí, sáng suốt” và “luận” nghĩa là “luận bàn, tranh luận” (theo *Từ điển Hán Việt* - Thiều Chửu, *Từ điển Le Petit Robert* (ấn bản 2012), *Từ điển tiếng Việt* - Hoàng Phê chủ biên). Như vậy, khái niệm “triết luận” có thể hiểu là: luận bàn một cách thông thái, sáng suốt hoặc

luận bàn về vấn đề có tầm thông thái. Luận án cũng sẽ căn cứ vào cả hai cách hiểu này để xây dựng luận điểm nghiên cứu.

Khái niệm "triết luận" gắn gũi với khái niệm "triết lý" và liên quan đến khái niệm "triết học" bởi có chung yếu tố gốc là "triết". Ở phương Tây, không có sự tách bạch về hai thuật ngữ triết luận và triết lý vì đều được diễn đạt bằng "philosophie", có nguồn gốc từ nguyên là "*Philosophia*", nghĩa là "yêu thích sự thông thái". Ở Việt Nam, hai thuật ngữ có sự khác nhau chút ít về diễn đạt, "triết lý" thiên về sắc thái suy tưởng, khái quát, "triết luận" thiên về màu sắc luận giải, luận bàn. Nhìn chung, cả hai thuật ngữ "triết lý" và "triết luận" đều diễn đạt sắc thái nghĩa: suy tưởng, luận bàn về những vấn đề mang chiều sâu triết học. Luận án sử dụng thuật ngữ "triết luận" với dụng ý nhằm nhấn mạnh cả hai yếu tố: "triết" (thông thái, trí tuệ) và "luận" (luận giải, bàn bạc) bởi thuật ngữ này sẽ thích hợp hơn khi nghiên cứu đặc điểm bút pháp của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải.

Phong cách, bút pháp Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải giàu tính triết luận, nghĩa là vừa trí tuệ, thông thái vừa mang tính luận giải, bàn bạc. Phẩm chất đặc điểm này bộc lộ ở cả nội dung và hình thức, từ tư duy nghệ thuật đến cách thức thể hiện.

1.1.2. Mối liên hệ giữa yếu tố triết luận với sáng tác văn chương

Vừa thuộc phạm trù nhận thức, vừa thuộc phạm trù phản ánh, là kết quả và cũng là mục đích hướng tới của con người trong quá trình khám phá và chinh phục thế giới, yếu tố triết luận luôn hiện diện ở mọi phương diện đời sống văn hóa của con người. Văn chương, với ưu thế nổi bật là sử dụng công cụ ngôn ngữ nên được lựa chọn/ tìm đến để bộc lộ nhu cầu triết luận rõ nhất và cũng phong phú nhất. Song, văn chương thiên về phạm trù nghệ thuật, tư duy văn chương chủ yếu là tư duy hình tượng; triết học thiên về phạm trù khoa học, tư duy triết học là tư duy trừu tượng. Văn chương được dẫn dắt bởi tình cảm, cảm xúc; triết học được triển khai bằng lý trí, logic. Mặc dầu vậy, hai "ngành" thuộc hai phạm trù tưởng rất đối lập này lại có những liên hệ, gặp gỡ rất thú vị. Ở thời "văn - sử - triết bất phân" người ta dường như đã đồng nhất hai phạm trù ấy với nhau, không có ranh giới. Nhiều nhà thơ, nhà soạn kịch cổ đại đồng thời nhà những triết gia. Tư tưởng "văn - sử - triết bất phân" kéo dài hàng nghìn năm suốt thời trung đại với quan điểm đề cao: "dĩ thi thủ sử", "văn dĩ tải đạo", "thi ngôn chí"...

Tư duy hiện đại khu biệt hóa đặc trưng, chức năng của từng ngành, từng lĩnh vực, triết học và văn chương được tách ra và được khu biệt ở tính đặc trưng, đặc thù. Tuy nhiên, sự liên hệ, tác động ảnh hưởng

giữa triết học với văn chương thì vẫn rất chặt chẽ. Triết học xuyên thấm vào văn chương ở chủ đề tư tưởng tác phẩm. Mỗi quan hệ này thực chất là mối liên hệ giữa nhận thức tư tưởng với cảm hứng sáng tạo. Mỗi tác phẩm văn chương trước hết là một thông điệp văn hóa, thể hiện trí tuệ, chiều sâu, truyền thống văn hóa – văn minh của mỗi dân tộc. Văn học Việt Nam có thể tự hào góp phần cho văn học nhân loại những áng văn chương giàu trí tuệ: *Mơ Đê đất đê nước* của người Mường, *Xống chụ xon xao* của người Thái, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du v.v...

Yếu tố triết luận làm nên tư tưởng và tầm vóc tác phẩm, mang lại khoái cảm trí tuệ - thẩm mỹ cho độc giả. Mỗi nền văn hóa có cách ứng xử và thể hiện tính triết lý - triết luận khác nhau. Các giai đoạn, thời kỳ của mỗi nền văn hóa cũng có cách ứng xử và biểu hiện khác nhau với yếu tố triết luận trong các tác phẩm, ấy là chưa kể, mỗi cá tính sáng tạo lại có cách thể hiện của riêng mình, vì vậy, tìm hiểu, đánh giá yếu tố triết luận trong tác phẩm văn chương luôn là một thách đố thú vị đối với giới nghiên cứu nói riêng, người đọc nói chung.

1.1.3. Những dấu ấn đặc sắc của yếu tố triết luận trong văn chương nhân loại

1.1.3.1. Trong văn học thế giới

Ở *Châu Âu*: Trong nền văn học thế giới, nhận loại từng chứng kiến nền văn minh Hi - La cổ đại rực rỡ. Trên đất nước của các vị thần, kho thần thoại Hi Lạp là minh chứng cho trí tuệ của một dân tộc thích triết lý - triết luận. Thế giới thần linh với tính cách và tâm hồn rất “người” vừa giàu tính biểu tượng vừa mang ý nghĩa triết lý sâu xa khiến mỗi lần đọc là một lần phát hiện ra những bất ngờ thú vị. Châu Âu suốt từ thời cổ đại, trung đại đến hiện đại đã “bị”/ được chi phối bởi xu hướng triết luận đã hình thành từ hàng nghìn năm trước bởi các tiền nhân.

Đề cao tư duy, đề cao lý trí, trí tuệ, đề cao con người đã giúp phương Tây sớm chinh phục những thành tựu của khoa học và cả những kiệt tác văn chương.

Ấn Độ và Trung Quốc không chỉ là cái nôi của triết học cổ đại mà còn là những vùng đất nổi tiếng bởi những tác gia, tác phẩm kiệt xuất. Hai bộ sử thi *MahaBrabrahata* và *Ramayana* giàu tính triết luận và tôn giáo là niềm tự hào của đất nước Ấn Độ bởi không chỉ ở tính trường thiên đồ sộ mà ở đầy hội tụ tư tưởng - trí tuệ dân gian thông qua những câu chuyện triết lý về thần linh, những giáo lý triết học về xử thế, về tình yêu, về những ước mơ, khát vọng cuộc sống. Đất nước Ấn Độ còn tự hào với Thánh sư Tagor, người vinh dự nhận giải Nôben văn chương danh giá, tác giả của nhiều thi phẩm, tiêu thuyết, kịch đặc sắc. Những triết gia

cổ đại Trung Quốc cũng đóng vai trò to lớn trong việc tạo nên những giá trị văn hóa cho thế giới. Những bộ sách Kinh của Lão Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử ... đều là những công trình văn hóa đặc sắc với giá trị nhiều mặt với nhiều lĩnh vực. Từ xa xưa, người Trung Hoa đã quan niệm “thi dĩ ngôn chí”, “chí” là tư tưởng, cảm xúc hướng thượng. Những đời sau, các sỹ phu vừa là những cây văn chương vừa là những nhà kinh bang tế thế củng cố thêm cho quan niệm này.

1.1.3.2. Trong văn học Việt Nam

Văn học Việt Nam cũng thật tự hào xây dựng một nền văn chương giàu tính triết luận. Từ kho tàng văn học dân gian, trải qua thời trung đại đến hiện đại, có thể bắt gặp những tác phẩm văn chương chứa đựng tư tưởng triết lý sâu sắc.

Như vậy, triết luận là yếu tố, là nhu cầu vừa mang tính bắt buộc đối với văn học thời văn - sử - triết bất phân, song cũng là nhu cầu, mong muốn của các cây bút hiện đại, bởi, dùng văn chương để chuyển tải những thông điệp nhân văn, nhân ái vẫn luôn là phương thức hữu hiệu của các cây bút giàu tư tưởng.

1.2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là các cây bút đương đại và có ảnh hưởng lớn trong giới sáng tác lẫn công chúng độc giả suốt mấy chục năm qua. Tác phẩm của hai tác giả luôn được quan tâm, “săn đón” nồng nhiệt, kết quả là, các bài viết, công trình nghiên cứu về sáng tác của hai tác giả tên tuổi này rất phong phú. Luận án, một mặt, sẽ thông kê và giới thiệu khái quát các bài viết nghiên cứu về tác giả và tác phẩm của hai tác giả đã được tuyển chọn giới thiệu thành sách đã xuất bản, mặt khác, sẽ khảo sát các công trình/ bài viết có đề cập đến tính triết luận trong tác phẩm của hai tác giả làm cơ sở lý thuyết và thực tiễn của đề tài.

1.2.1 Các công trình nghiên cứu về Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải

1.2.1.1. Những nhận xét đánh giá chung

Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là hai tác giả sớm được giới nghiên cứu tập hợp các công trình, bài viết nghiên cứu về tác gia, tác phẩm. Bên cạnh đó là các luận văn, luận án cũng rất nhiều. Nhìn chung, giới nghiên cứu đều dành sự khẳng định về cống hiến của hai tác giả với sự nghiệp cách mạng và tài năng của họ trong việc góp phần thúc đẩy sự vận động, phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại.

1.2.1.2. Những nhận xét về yếu tố triết luận trong tác phẩm của hai tác giả

Yếu tố triết lý - triết luận trong tác phẩm của hai tác giả cũng đã

được giới nghiên cứu nhận ra từ rất sớm. Các ý kiến đều cho rằng, Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là hai cây bút nổi bật với tư duy triết lý - triết luận. Yếu tố triết lý - triết luận thể hiện ở tất cả các phương diện thể loại của tác phẩm: chủ đề, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu

Sự đồng thuận rằng Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là những cây bút triết lý - triết luận, cho thấy đây là đặc điểm ưu trội trong tư duy nghệ thuật của hai tác giả. Tuy nhiên, vẫn chưa có một công trình chuyên biệt nào nghiên cứu hệ thống và chuyên sâu trong toàn bộ tác phẩm của tác giả.

1.2.2. Nghiên cứu Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải dưới góc nhìn so sánh

Dưới góc nhìn so sánh, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đã được đem ra so sánh với một số cây bút khác, như: *Hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lưu* (luận án của Cao Xuân Hải); *Nghệ thuật tự sự trong truyện ngắn Việt Nam sau 1975 qua truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng* (luận án của Nguyễn Thị Bích); *Những dấu hiệu đổi mới trong văn xuôi Việt Nam từ 1980 đến 1986 qua bốn tác giả: Nguyễn Minh Châu - Nguyễn Khải - Ma Văn Kháng - Nguyễn Mạnh Tuấn* (luận án của Nguyễn Thị Huệ) v.v...

Hiện chỉ có một công trình nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ kể chuyện Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải: *Ngôn ngữ kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu* (luận án của Đỗ Thị Hiên). Song, luận án này không đặt vấn đề so sánh mà vẫn nghiên cứu ngôn ngữ các tác giả một cách độc lập.

Từ thực tiễn nghiên cứu, luận án nhận thấy, nghiên cứu yếu tố triết luận trong sáng tác của hai tác giả Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải, hoặc chỉ mới dừng ở những bài viết với nhận xét khái quát, hoặc mới đi sâu tìm hiểu ở một tác phẩm cụ thể hay một phương diện nào đó của thể loại. Đặc biệt, dưới góc nhìn so sánh khi nghiên cứu yếu tố triết luận để chỉ ra tài năng, cá tính sáng tạo của mỗi cây bút thì vẫn chưa có một công trình hay bài viết nào đề cập tới.

1.3. Cơ sở khách quan và chủ quan tạo nên yếu tố triết luận trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải

1.3.1. Cơ sở khách quan

1.3.1.1. Bối cảnh lịch sử - văn hóa xã hội từ 1945 đến 1975

Sinh năm 1930, Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải được tắm trong bầu không khí lịch sử sôi nổi hào hùng của dân tộc: cách mạng tháng Tám, hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thần thánh và

không khí xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc những năm 60... Đó là những sự kiện tác động mạnh mẽ tới cuộc sống và tâm hồn mỗi người Việt Nam những năm tháng ấy. Yếu tố “triết luận” - đặc tính, phẩm chất nổi bật trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải được/ chịu ảnh hưởng, tác động sâu sắc từ hoàn cảnh khách quan này.

Yếu tố triết luận trở thành phẩm chất tất yếu khi nó trở thành cách thức hữu hiệu để nhà văn thực hiện mục tiêu - hành động công hiến tốt nhất cho cách mạng.

1.3.1.2. Bối cảnh đất nước sau 1975

Sau 1975, đất nước bước ra khỏi hai cuộc chiến kéo dài suốt ba mươi năm. Giờ đây, xã hội Việt Nam sẽ vận động theo một quy luật mới khác hoàn toàn với quy luật thời chiến. Tiếp đó, đất nước chọn con đường mở cửa hội nhập quốc tế, cơ chế quản lý theo quy luật thị trường. Trong nhu cầu phải thay đổi, phải viết mới ấy của nhà văn lúc bấy giờ có một nhu cầu “viết về con người” với “muôn mặt đời thường”. Cùng trưởng thành trong cùng một bầu không khí văn chương, dễ hiểu vì sao, Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải có những nét tương đồng ngay trong sở thích triết luận. Tuy nhiên, với những cây bút tài năng, họ không chỉ tìm cách thích ứng mà còn không bỏ qua cơ hội để công hiến và khẳng định mình.

1.3.2. Cơ sở chủ quan với năng khiếu bẩm sinh

1.3.2.1. Nguyễn Minh Châu

Nguyễn Minh Châu tâm niệm: “Viết văn là thực hiện một sự cân bằng giữa con người lý trí và con người nghệ sĩ. Con người lý trí phải kiểm tra chặt chẽ con người nghệ sĩ, mà ngược lại phải dành một khoảng đất đủ để nó đứng và hoạt động”. Thêm nữa, Nguyễn Minh Châu còn ý thức: có con người lý trí và con người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ cần xúc cảm, ngẫu hứng mãnh liệt; Người làm khoa học cần lý trí với logic chặt chẽ. Người viết văn cần có và phải kết hợp được cả hai tố chất/ phẩm chất ấy mới tạo nên văn chương đích thực.

1.3.2.2. Nguyễn Khải

Nguyễn Khải bộc lộ tính cách là người có đầu óc phân tích, nhận xét, phán đoán, khái quát, từ rất sớm. Nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ cho rằng: “Nguyễn Khải là cây bút trí tuệ, luôn luôn suy nghĩ sâu lắng về những vấn đề mà cuộc sống đặt ra và cố gắng tìm một lời giải đáp thuyết phục theo cách riêng của mình. Cho nên trong các tác phẩm của nhà văn, thông qua những sự kiện xã hội, chính trị có tính chất thời sự nóng hổi, bao giờ cũng nổi lên những vấn đề khái quát có ý nghĩa triết học và đạo đức nhân sinh”.

Có thể nói, từ trong căn cốt tính cách, tâm hồn, tuy mỗi người một vẻ, nhưng cả Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đều bộc lộ cá tính, năng lực triết luận - thứ năng lực cốt yếu. Văn chương đã giúp họ giải tỏa/ bộc lộ năng lực của mình, nói đúng hơn, họ đã tìm thấy ở văn chương phương thức phù hợp nhất để cái “tôi” thiên tính của mình có cơ hội hiện lộ thành “cá tính sáng tạo”.

Tiểu kết

“Triết luận” là bàn luận, trao đổi một cách thông thái, sáng suốt. Văn chương từ khởi thủy đã chứa đựng yếu tố triết luận, bởi yếu tố này tạo nên sức sống bền lâu cho tác phẩm.

Qua các công trình, bài viết đã công bố, có thể nhận thấy giới nghiên cứu hầu như đã đồng thuận trong đánh giá: Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đều có yếu tố triết luận đậm nét. Tuy nhiên, việc tìm hiểu, nghiên cứu để đánh giá vấn đề này một cách toàn diện, hệ thống và thấu đáo thì vẫn chưa có công trình tầm vóc. Thêm nữa, ở hướng tiếp cận so sánh, chỉ ra điểm gần gũi và khác biệt trong tư duy và bút pháp triết luận của hai tác giả thì vẫn còn là khoảng trống bỏ ngỏ. Luận án trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu trước, sẽ giải quyết những mục tiêu khoa học này.

Chương 2: BIỂU HIỆN CỦA YẾU TỐ TRIẾT LUẬN TRONG SÁNG TÁC NGUYỄN MINH CHÂU

2.1. Quan niệm “tác phẩm văn học sống bằng tư tưởng”

Tư tưởng của tác phẩm chính là sự nhận thức, lí giải và thái độ của nhà văn đối với toàn bộ nội dung và những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Tư tưởng là linh hồn, là hạt nhân của tác phẩm, là kết tinh của những cảm nhận, suy nghĩ của tác giả về con người và cuộc sống. Tư tưởng tác phẩm có liên quan chặt chẽ đến yếu tố triết luận. Bởi, tư tưởng bản thân nó đã mang tính “thông thái, sáng suốt” lại được thể hiện một cách “thông thái” nghĩa là độc đáo, hấp dẫn. Như vậy, đề cao tính tư tưởng của tác phẩm, Nguyễn Minh Châu đã chọn định hướng triết luận cho ngòi bút của mình.

2.2. Đề tài, chủ đề giàu tính tư tưởng

2.2.1. Đề tài trong tác phẩm chứa đựng tính phổ quát

Khái niệm “Tính phổ quát” là “phổ biến một cách rộng khắp” (theo Từ điển Hoàng Phê) mà luận án đang nói tới mang chiều sâu triết học, nghĩa là phạm vi phổ biến không có giới hạn về cả không gian lẫn thời gian. Đề tài trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu có khả năng ấy,

nghĩa là quan tâm/ phản ánh những vấn đề, có giá trị Chân - Thiện- Mỹ muôn thuở của con người.

Đề tài trong sáng tác trước 1975 của Nguyễn Minh Châu phần lớn gắn liền với hiện thực “sống - còn”, “tồn tại hay không tồn tại” và “tồn tại” như thế nào? đất nước. Tính phổ quát ấy khiến tác phẩm viết ở thời chiến, nhằm “cổ vũ, động viên”, nhưng nó đã vượt lên tính thời sự để trở thành tác phẩm khẳng định những giá trị vĩnh hằng.

Đề tài sau 1975 có hướng rẽ khác, đúng như nhận thức của tác giả: “Phải tìm cho mình một sức mạnh mới tác động vào cuộc sống, vì thế, văn học cần phát hiện, phân tích, mổ xẻ những vấn đề cụ thể, nóng bỏng, những số phận cá nhân riêng biệt đang tồn tại trong đời sống với tất cả tính phức tạp của nó”.

2.2.2. Tính “đa chủ đề”

Tính đa chủ đề như một phẩm chất, đặc tính của bút pháp Nguyễn Minh Châu. Tác phẩm cùng lúc đặt ra khá nhiều vấn đề phong phú. Thêm nữa, các vấn đề đều không giải quyết triệt để mà chỉ gợi ra, đặt ra để bàn bạc, suy ngẫm. Điều đáng kể là, các chủ đề ngay trong cùng một tác phẩm lại có thể đi theo những ý tưởng khác biệt nhau, tranh luận với nhau, thậm chí phủ định nhau và hoài nghi cả những vấn đề tưởng chừng như đã trở thành chân lý, giá trị. Đó là minh chứng của tư duy triết luận mà Nguyễn Minh Châu muốn hướng tới và điều đó đã tạo nên tính đa chủ đề cho tác phẩm.

2.3. Tính “nhiều lớp” của cốt truyện

Tính “nhiều lớp” của cốt truyện logic chặt chẽ với tính đa chủ đề. Mỗi chủ đề truyện có thể tạo nên hoặc đề chuyên chờ bởi một mạch truyện độc lập, người đọc có thể hình dung hoặc giả có thể kể về câu chuyện (lớp truyện) đó một cách tương đối rõ ràng.

Nguyễn Minh Châu đã dùng nhãn quan triết học để soi chiếu, lí giải, nhận thức, phân tích hiện thực. Từ những vấn đề rất cụ thể, rất gần gũi lại chứa đựng những thông điệp mang tầm khái quát rộng lớn, mà cốt lõi là tinh thần nhân bản.

2.4. Nhân vật và hình tượng giàu tính biểu tượng

Luận án tách thành “nhân vật” và “hình tượng” bởi hai khái niệm này không phải lúc nào cũng đồng nhất. Trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu có hình tượng không phải con người (cây sấu, cây cột điện, con mèo, con bò hoang ...), nhưng chúng đóng vai “nhân vật”, thậm chí nhân vật chính của truyện, với vai trò tạo ra xung đột, sự kiện, dẫn dắt mạch truyện. Điều đáng kể là cả nhân vật và hình tượng trong tác phẩm

của Nguyễn Minh Châu đều có ý nghĩa biểu tượng hoặc mang tầm vóc của biểu tượng.

Nhân vật trong tác phẩm trước 1975, mang ý nghĩa biểu tượng cho cái Đẹp, cái Cao cả, cái Chân chính. Đó là những phạm trù triết học và những biểu tượng đó được gắn với thực tiễn cuộc chiến tranh bảo vệ và thống nhất đất nước.

Nhân vật trong tác phẩm sau 1975, biểu tượng cho những giá trị “cổ mẫu” trong chiều sâu nhân bản.

2.5. Điểm nhìn trần thuật từ bên trong tạo nên giọng điệu suy tư, đối thoại

Trần thuật từ điểm nhìn “bên trong” còn gọi là trần thuật trực tiếp. Truyện của Nguyễn Minh Châu sau 1975 sử dụng chủ yếu điểm nhìn “bên trong”, tức điểm nhìn của nhân vật - người trong cuộc, nhân vật cùng lúc sắm cả hai vai: người kể chuyện và nhân vật truyện. Điều này cho phép nhà văn tha hồ bộc lộ tư tưởng thông qua suy nghĩ, độc thoại nội tâm nhân vật.

Tiểu kết

Có thể nói, Nguyễn Minh Châu là một cây bút ham thích triết lý và đặc điểm nổi bật này bộc lộ xuyên suốt trong các tác phẩm, gắn với sự nghiệp sáng tác của ông. Trên hành trình sáng tạo, cây bút ấy luôn tự dặn mình: “Nhà văn phải là người thức tỉnh xã hội và cảnh báo trước những nguy cơ đến với nhân loại. Nhưng trước hết, người cầm bút phải là người có tình yêu tha thiết với cuộc sống, nhất là với con người”. Yếu tố triết lý được chuyển tải qua những phương thức nghệ thuật sáng tạo đã khiến những tác phẩm của Nguyễn Minh Châu trở thành những di sản văn hóa - văn chương trong sự cảm phục và yêu mến của người đọc.

Chương 3. BIỂU HIỆN CỦA YẾU TỐ TRIẾT LUẬN TRONG SÁNG TÁC NGUYỄN KHẢI

3.1. Quan niệm “văn chương là khoa học thể hiện lòng người”

Ngay từ khi đặt chân trên hành trình nghệ thuật, Nguyễn Khải đã xác định cho mình mục tiêu và nguyên tắc sáng tạo: Văn chương là “khoa học thể hiện lòng người” và sự “chân thật” của văn chương là “kết quả của sự nghiên cứu, thận trọng, tỉ mỉ”. Từ quan niệm trên cho thấy cho thấy tư duy và sở thích nghiên cứu, phân tích - nền tảng của yếu tố triết luận trong văn chương mà Nguyễn Khải tâm đắc. Nguyễn Khải gọi hành trình sáng tạo văn chương của mình là “cuộc tìm kiếm mãi mãi” và là “hành trình nhận thức”.

“Nguyễn Khải là cây bút trí tuệ, luôn luôn suy nghĩ sâu lắng về những vấn đề mà cuộc sống đặt ra và cố gắng tìm một lời giải đáp thuyết phục theo cách riêng của mình. Cho nên trong các tác phẩm của nhà văn, thông qua những sự kiện xã hội, chính trị có tính chất thời sự nóng hổi, bao giờ cũng nổi lên những vấn đề khái quát có ý nghĩa triết học và đạo đức nhân sinh” (Phan Cự Đệ);

3.2. Tính triết luận trong tác phẩm Nguyễn Khải qua phương diện đề tài, chủ đề

Viết về những vấn đề nóng hổi của thời cuộc, nhà văn luôn phải đối mặt với những thách thức. Nhà văn phải có khả năng phân tích, đánh giá lựa chọn để nhặt lấy những vấn đề có sức hút/ có ý nghĩa lớn, thu hút sự quan tâm của xã hội. Tư duy phân tích còn giúp tác giả phát hiện ra, tiên lượng ra những vấn đề có thể là phù hợp với thời điểm hiện tại song sẽ là nghịch lý của tương lai. Tính dự báo này đòi hỏi khả năng bao quát lớn và sâu rộng. Thể hiện phẩm chất này, tác phẩm của Nguyễn Khải bộc lộ thể mạnh và tiềm năng của một ngòi bút giàu tính triết luận. Đề tài, chủ đề trong tác phẩm Nguyễn Khải trước 1978 gắn với hai sự kiện trung tâm lớn của đời sống đất nước: cảm hứng bảo vệ tổ quốc và tái thiết đất nước sau chiến tranh vươn đến ước mơ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đề tài, chủ đề sau năm 1978 là những chiêm nghiệm, suy tư trên quan điểm cá nhân về thời cuộc và về chính cuộc sống riêng, số phận riêng của mỗi người.

3.3. Mạch truyện giàu tính chính luận

3.3.1. Mạch truyện giàu tính thông tin thời cuộc

Để thực hiện mục tiêu chính luận rất cần những thông tin cụ thể, chính xác giống như những chứng cứ. Những thông tin (chứng cứ) giúp cho lập luận, phân tích, khái quát thêm sắc bén, giàu sức thuyết phục. Lối viết sử dụng kinh nghiệm, giàu có tri thức khiến truyện của Nguyễn Khải có phong thái của ký. Người đọc bất ngờ bởi những tri thức không dễ kiếm tìm trong sách vở. Đó là kết quả của một cây bút ham đi, ham nghĩ và luôn biết dùng tư duy phân tích của mình để lựa chọn ra những điều cần tích lũy.

3.3.2. Mạch truyện chính luận

Mạch truyện được định hướng ngay từ nhan đề tác phẩm và được triển khai, dẫn dắt bằng chi tiết “chân xác”: Định hướng tư tưởng tác phẩm thường được thể hiện/ khẳng định ngay từ đầu và tư tưởng ấy sẽ được triển khai bằng các luận cứ, luận chứng logic nhằm khẳng định/ thuyết phục người đọc.

Sự vận động thay đổi từ chính luận sang triết luận sau 1978: Từ kiểu cốt truyện chính luận nhằm tập trung thuyết minh, lý một vấn đề

mang tính thời sự, sau 1978 cốt truyện hướng sang “thuyết giảng”, “luận” về những vấn đề thuộc phạm trù con người cá nhân - cá thể. Có điều, tác giả dường như vẫn “quen thuộc” với kiểu người mà số phận họ gắn liền với lịch sử, với đời sống chính trị xã hội hơn là những con người của gia đình, của bản thể tự nhiên. Vì vậy, tính triết luận trong tác phẩm Nguyễn Khải luôn bị “hạn định” bởi nguyên tắc thời đại mà chưa thật vượt thoát ra cái vô hạn của thế giới bản nguyên tự nhiên vĩnh hằng.

3.4. Nhân vật bản lĩnh với cái tôi khôn ngoan sắc sảo

Thế giới nhân vật của Nguyễn Khải dường như ai cũng có tính cách “mạnh” với cái đầu “hay nghĩ”, luôn “hoạt động”, tính toán, phân tích sự việc rành mạch ở hai chiều “lợi - hại”, “được - mất”, “tốt - xấu” và quyết đoán một cách tự tin theo sự phân tích, lựa chọn của chính mình. Vì vậy, phần lớn, họ là những con người nghị lực, luôn chủ động trước tình huống, thậm chí, có khả năng tạo ra tình huống theo tính toán. Ở mọi vị trí, đối tượng, ngành nghề, là người gánh vác trách nhiệm cộng đồng hay người của gia đình họ đều rất hiểu mình, hiểu công việc, tự tin định ra kế hoạch công việc, chủ động trước mọi tình thế.

3.5. Giọng trần thuật theo hướng tranh luận, đối thoại

Đây là logic tất yếu, khi cả người trần thuật và nhân vật truyện đều luôn diễn đạt và giao tiếp bằng ngôn ngữ tranh luận, ưa thích phản biện. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, giọng tranh luận, đối thoại biểu hiện qua các phương diện sau.

3.5.1. Ngôn ngữ trần thuật vừa kể - tả vừa nhận xét, bình luận

Ngôn ngữ miêu tả của Nguyễn Khải lại luôn gắn với sự đánh giá, nhận xét, bình luận. Những động từ miêu tả đồng thời là những tính từ chỉ trạng thái, tính chất khiến sự vật, hiện tượng trở nên sắc sảo, giàu sức gợi hơn, đa nghĩa hơn. Vừa kể vừa tả và không quên nhận xét, bình luận bằng con mắt sắc sảo, giọng kể của Nguyễn Khải, vì vậy, không chỉ “đánh thức” người đọc bởi những “tri thức” khôn ngoan, mới mẻ mà còn gây chú ý bằng những nhận xét chủ quan nhưng sắc sảo, kích thích sự tò mò người đọc. Có thể nói, bằng nhiều cách, tác giả luôn muốn gửi gắm quan điểm triết luận, triết lý của mình qua cách phản ánh hiện thực.

3.5.2. Dụng nên những màn đối thoại, tranh luận

Tinh thần của “đối thoại” chính là tính đối đáp, trao đổi, tranh luận. Để có cơ hội tranh luận, biện luận, Nguyễn Khải luôn tìm cách dựng lên những tình huống/ màn đối thoại, đó là những cuộc cọ xát, thậm chí đối đầu về quan điểm, suy nghĩ. Qua khảo sát, luận án nhận thấy, những màn đối thoại được bộc lộ qua các tình huống sau: Những cuộc

giao tiếp, trò chuyện đồng thời là những cuộc tranh luận; Tự đối thoại, tranh luận với chính mình

Tiểu kết

Mạch văn triết luận dường như đã trở thành cá tính phong cách của Nguyễn Khải từ những trang đầu tiên đến những trang cuối cùng trong sự nghiệp văn chương của ông. Tinh triết luận thể hiện ở tất cả các phương diện tác phẩm: từ đề tài - chủ đề đến cốt truyện, kiểu nhân vật và giọng điệu trần thuật. Văn Nguyễn Khải luôn ở giữa đời sống, là một thứ văn “hành động”, góp phần đấu tranh, góp phần kiến thiết, góp phần làm đẹp cho đời và góp phần gìn giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa, nhân văn của dân tộc. Đọc tác phẩm của Nguyễn Khải, không chỉ thích thú với những triết lý mang đậm tính thời sự mà còn thần phục trước những vấn đề đi trước thời đại mà tác giả đã đặt ra, đã chạm tới bằng tư duy triết học.

Chương 4. NHỮNG GẶP GỠ VÀ KHÁC BIỆT TRONG BÚT PHÁP TRIẾT LUẬN CỦA NGUYỄN MINH CHÂU VÀ NGUYỄN KHẢI

4.1. Những điểm gặp gỡ trong bút pháp triết luận của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải

4.1.1. Gặp gỡ trong quan điểm: đề cao tính tư tưởng của văn chương

Dường như không hẹn mà gặp, cả hai nhà văn Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đều rất coi trọng yếu tố tư tưởng và triết lý trong tác phẩm văn chương. Tư duy nghệ thuật của nhà văn và tư tưởng tác phẩm có mối liên hệ chặt chẽ, vừa là mối liên hệ nhân - quả vừa là quan hệ tương hỗ trên hành trình sáng tạo. Một tác phẩm có tư tưởng sâu sắc thường là kết quả của một tư duy nghệ thuật độc đáo, mới mẻ và sâu sắc.

Họ trở thành những cây bút triết luận bởi nhận thức này: *“Nhà văn, nhà báo sống với thời cuộc nhưng còn phải biết tách ra khỏi thời cuộc để nhận ra cái sẽ còn lấp lánh lâu dài của nhiều tình tiết trong thời cuộc, sống với người cùng thời nhưng phải lấy con mắt của người đời sau để đo lường nhiều giá trị, nhiều việc tưởng là rất tầm thường, là vô nghĩa đối với người đương thời”*.

Những trái tim mẫn cảm và khát vọng tài năng, họ đã gặp gỡ trong quan điểm dùng văn chương để “hành động” vì con người và cuộc sống và vì những giá trị chân - thiện - mỹ.

4.1.2. Đề tài và chủ đề tác phẩm thường lộ rõ tính “luận đề”

Sự gặp gỡ đầu tiên của hai ngòi bút cùng đam mê triết luận chính là ở tính luận đề ở phương diện đề tài - chủ đề tác phẩm. Đó là định

hướng tư tưởng hướng tới mục tiêu luận bàn về một vấn đề nào đó của hiện thực là điểm gặp gỡ dễ thấy của hai cây bút sống cùng thời đại, cùng lấy tôn chỉ mục đích dùng ngòi bút phục vụ nhân dân mình, dân tộc mình gắn với ý thức trách nhiệm: trong mỗi nhà văn là một công dân yêu nước! Họ đã phụng sự hết mình vì đất nước, dân tộc. Điều đáng kể hơn cả, tư tưởng phụng sự của họ thông qua tài năng nghệ thuật đã hội nhập với những tư tưởng nền tảng lớn lao của nhân loại, như: đề cao tinh thần nhân bản, đề cao giá trị đạo đức cao quý hướng đến chân - thiện - mỹ!

4.1.3. Nhân vật giàu tính biểu tượng

Nhân vật mang tính biểu tượng thường thể hiện những đặc điểm, như: có tính khái quát, chuyển tải những thông điệp tư tưởng một cách rõ ràng, vì vậy, kiểu nhân vật này còn được gọi là nhân vật tư tưởng. Với những cây bút tài hoa, nhân vật tư tưởng vẫn có thể bộc lộ tính cách sống động, song, nhìn chung, nhân vật tư tưởng thường tập trung làm rõ tư tưởng mà nhà văn muốn bộc lộ, vì vậy, đôi khi nhà văn “hi sinh” việc xây dựng tính cách nhân vật trong mối quan hệ xã hội phức tạp và tâm lý, nội tâm để “thuyết minh” cho mục tiêu cần đạt tới.

Kiểu nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu nhìn chung là nhân vật tư tưởng với tầm biểu tượng khái quát. Song, hai cây bút tài năng đã hiện thực hóa tư tưởng bằng những chân dung sống động nên luôn có sức hấp dẫn người đọc.

Nhân vật giàu tính biểu tượng trong tác phẩm của Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu có những dạng thức biểu tượng sau:

4.1.3.1. Nhân vật biểu tượng cho những ý tưởng, mục tiêu chính trị - xã hội

Với hai nhóm biểu tượng:

- Nhóm nhân vật biểu tượng cho triết lý đời nhò cách mạng
- Nhóm nhân vật biểu tượng cho “tầm nhìn” của con người mới đang xây dựng cuộc sống mới.

4.1.3.2. Nhân vật biểu tượng cho cái Đẹp - Đạo đức - Nhân cách

Người đọc có thể bắt gặp kiểu nhân vật biểu tượng cho cái Đẹp - Nhân cách với những đức tính: Giàu tự trọng; Giàu tình thương yêu, chia sẻ; Giàu đức hi sinh; Cái Đẹp trở thành Giá trị bởi nó có ý nghĩa cứu rỗi, nâng đỡ cuộc sống. “Bản thân cái đẹp chính là đạo đức” và đó là “chân lý của sự toàn thiện”.

4.1.3.3. Nhân vật đạt đến tầm “cổ mẫu” (archetype)

“Cổ mẫu” là hình tượng có giá trị bền vững và phổ quát, thoát thai từ vô thức tập thể. Mục tiêu triết luận với tầm nhìn ngày càng xa

hơn, hướng về phía con người đòi tư phổ quát khiến nhân vật đạt tới tầm “cổ mẫu”. Họ là hiện thân của “mẫu gốc”. Điều đáng chú ý cả hai tác giả có điểm gặp gỡ là mẫu gốc mà hai tác giả hướng tới khai thác, thể hiện đều là vẻ đẹp “mẫu tính”. Những nhân vật phụ nữ này họ bộc lộ vẻ đẹp mẫu tính từ bản năng gốc. Bản năng Mẫu Tính này đã được Nguyễn Minh Châu xây dựng thành biểu tượng cái “Đẹp - Đạo Đức”, cái Đẹp - Nhân Bản.

4.1.4. Trần thuật thường đan xen giữa kể - tả và bình luận

Đây cũng là điểm gặp gỡ trong bút pháp triết luận của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải và dường như cũng là tất yếu ở những cây bút lấy triết lý, triết luận làm mục tiêu, niềm cảm hứng say mê.

Ngôn ngữ trần thuật trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải luôn có sự kết hợp với ngôn ngữ nhận xét, bình luận tạo nên giọng trần thuật đặc sắc. Đó là giọng kể/ trần thuật rất đặc trưng ở cả Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải. Giọng kể triết luận buộc nhà văn phải sử dụng ngôn ngữ kể - tả xen ngôn ngữ bình luận, nhận xét, đánh giá, khái quát. Người đọc được thưởng thức một thứ văn “tinh táo”, “trí tuệ”, không chỉ đọc bằng cảm nhận mà đọc bằng cả vốn sống, vốn tri thức mà mình có, thêm nữa, còn được “khai mở” bởi những ý tưởng bất ngờ.

4.2. Những điểm khác biệt trong bút pháp triết luận của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải

4.2.1. Khác biệt trong tiếp cận và phản ánh hiện thực

Nguyễn Khải thường quan tâm đến “thời thế”, Nguyễn Minh Châu quan tâm đến những vấn đề “nhân bản”. Thời thế do con người tạo ra, mang tính lịch sử và chứa đựng tư tưởng thời đại. Như vậy, tư tưởng xã hội của thời đại và lý tưởng của công dân không phải lúc nào cũng trùng khít. Thêm nữa, nhu cầu của cá nhân luôn phong phú và phức tạp hơn những vấn đề của thời đại. Vì vậy, tiếp cận hiện thực từ vị thế của con người cá nhân - cá thể sẽ hướng đến khai thác những vấn đề nhân bản, còn tiếp cận hiện thực từ ý thức thời thế sẽ hướng đến khai thác vấn đề gắn liền với tư tưởng thời cuộc, tính xã hội rất rõ nét.

Trong những sáng tác trước 1975, cùng viết về đề tài chiến tranh, song Nguyễn Khải tiếp cận từ góc nhìn “thời cuộc”: lựa chọn, tư thế của chính nghĩa; Nguyễn Minh Châu tiếp cận từ góc nhìn tình yêu: tình yêu quê hương, tình yêu gia đình, bè bạn và nhiều nhất là tình yêu đôi lứa. Truyện của ông thường được khởi lên bằng tình yêu, có tình huống và cốt lõi truyện là tình yêu. Tình yêu là mạch cảm xúc chính, gắn kết và dẫn dắt mạch truyện.

Những tác phẩm viết sau 1975 của Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu vẫn bộc lộ sự khác nhau này. Nguyễn Khải mặc dù đã chuyển sang khai thác hiện thực đời tư của con người, song, phong cách tiếp cận của ông thì vẫn không thay đổi. Ông vẫn thích lối tiếp cận từ những vấn đề đang nổi lên của “thời cuộc” để định hướng triết luận. Chẳng hạn, câu chuyện về “vị thế”, vai trò của cá nhân với gia đình, xã hội? Nền tảng gìn giữ văn hóa một đất nước do ai nắm giữ? Nếu chỉ lo kinh tế, lo kiếm tiền mà không coi trọng xây dựng đạo đức, văn hóa, mỗi gia đình, đất nước sẽ đi về đâu? Những trôi nổi, thân phận của kiếp người trước thời cuộc v.v...

Điểm tiếp cận của Nguyễn Minh Châu rất hẹp, thậm chí rất riêng tư, chỉ cá nhân người đó biết. Hành động, sự phát triển của tính cách nhân vật không bị tác động, chi phối bởi hoàn cảnh khác quan mà chủ yếu được hình thành từ “căn cốt” bản tính tính cách, tâm hồn. Hoàn cảnh có thể thay đổi nhưng tâm hồn họ, bản tính “trời sinh” của họ thì vẫn vậy, không đổi. Tính cách ấy đã làm nên cá tính nghệ thuật riêng của mỗi người.

4.2.2. Những điểm khác nhau trong xây dựng nhân vật

4.2.2.1. Nguyễn Khải có thể mạnh trong khắc họa “con người xã hội”

Nguyễn Khải luôn đặt nhân vật của mình ở giữa tình huống lịch sử - xã hội để làm nổi bật số phận, tính cách nhân vật “gặp thời”, “hiểu thời” hoặc “dựa thời”. Nhìn chung, đây là những kiểu nhân vật quen thuộc và nổi bật nhất trong tác phẩm của Nguyễn Khải. Bên cạnh đó còn có kiểu nhân vật “lạc thời” nghĩa là bị “thời thế” bỏ rơi hoặc không bắt nhịp được với thời thế. Nguyễn Khải đã hình dung ra vô số kiểu nhân vật để gửi gắm những suy ngẫm, triết lý của mình về cuộc đời và con người. Sự phong phú trong các dạng/ kiểu nhân vật trong tác phẩm của ông cho thấy ông đã sống, quan sát và trải nghiệm với đủ các dạng người, số phận người trong suốt mấy chục năm cầm bút. Nhân vật của ông, vì vậy, có sức khái quát, biểu tượng cho những suy ngẫm, triết luận về thời cuộc.

4.2.2.2. Nguyễn Minh Châu có thể mạnh trong khắc họa con người “cá nhân - đời tư”

Khác biệt với Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu quan tâm miêu tả tâm lý, nội tâm nhân vật, qua đó có cơ hội làm hiện lên con người cá nhân - đời tư khá sinh động. Nguyễn Minh Châu thường tái hiện nhân vật ở hoàn cảnh “hẹp” là gia đình, trong mối liên hệ của gia đình, người thân xung quanh. Nhân vật chủ yếu bộc lộ ứng xử trong các mối quan hệ tình

cảm. Bản thân cuộc sống của họ, lối sống, suy nghĩ, cách hành xử của họ làm nên triết luận về những giá trị nhân văn, nhân ái.

4.2.3. Khác nhau trong giọng điệu trần thuật

Ở những cây bút có cá tính thì sự khác nhau dễ thấy chính là khác nhau về “giọng”. Mặc dù cùng ham mê triết luận, song, ở hai cây bút có sự khác biệt rất rõ về “giọng”: “Giọng” của Nguyễn Khải sắc sảo, duy lý; “giọng” truyện của Nguyễn Minh Châu âm áp, duy tình. Sự khác nhau về giọng điệu biểu hiện ở các phương diện chính sau.

4.2.3.1. Ngôn từ xưng - gọi trong tác phẩm của Nguyễn Khải thiên về suồng sã, trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu thiên về chuẩn mực

Nguyễn Khải thường gọi thẳng tên nhân vật chứ không dùng những đại từ đi kèm “ông, bà, anh, chị...”. Cách gọi có thiên hướng suồng sã, giản dị chứ không trịnh trọng, nghiêm cẩn. Kiểu xưng hô “mày - tao”, bà ấy, ông ấy, nó, thằng, con bé v.v... phổ biến trong cách xưng gọi của nhân vật. Cách xưng gọi suồng sã này khiến giọng trần thuật của Nguyễn Khải đậm chất tiểu thuyết.

Ngôn từ xưng - gọi trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu thiên về chín chu, chuẩn mực. Trong cách nói năng, giao tiếp của nhân vật, ta thấy bóng dáng người Việt của lễ nghi truyền thống, khiêm nhường, nhũn nhặn, thưa gửi. Cách xưng hô và diễn đạt trong văn Nguyễn Minh Châu luôn mềm mỏng, nhã nhặn, có lẽ do đối tượng phản ánh thường là những con người “khép kín”, sống nội tâm, hiếm khi “xung đột” ngoài xã hội. Đó cũng là nguyên nhân khiến những triết lý về con người và cuộc sống của Nguyễn Minh Châu thường thiên về những vấn đề nhân bản gần gũi với mọi đối tượng quen thuộc trong đời sống hàng ngày.

4.2.3.2. Trần thuật trong tác phẩm của Nguyễn Khải thiên về kể kết hợp bình luận; Trần thuật trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu thiên về kể - tả

Kiểu trần thuật đặc trưng của Nguyễn Khải là “kể kết hợp bình luận” tạo nên giọng kể “duy lý” sắc sảo, “tinh táo”, “đánh thức” người đọc. Lối kể lối tả này xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Khải. Người đọc luôn bị/ được cuốn theo những bình luận nhiều cung bậc, có khi hóm hỉnh, có lúc điệu cợt, lúc lại ngậm ngùi, cảm thông, lúc suy tư, ngẫm ngợi...

Khác với Nguyễn Khải, lối trần thuật đặc trưng của Nguyễn Minh Châu thiên về “kể - tả” tạo nên giọng trần thuật đậm chất, trữ tình. Nguyễn Minh Châu thường “ân” nhận xét, đánh giá, bình luận bằng việc “dựng” lại, tả lại sự việc bằng ngôn ngữ tả, diễn đạt quan điểm bằng hình ảnh, hình tượng, tạo nên lối duyên riêng trong nghệ thuật dẫn truyện và

triết luận. Những triết lý tác động vào những giác quan xúc cảm, điều này tạo nên mạch văn trữ tình giàu cảm xúc trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu.

4.2.3.3. Câu văn của Nguyễn Khải ngắn, thường dùng câu rút gọn; Câu văn của Nguyễn Minh Châu uyển chuyển, chín chu về ngữ pháp

Nhịp câu văn của Nguyễn Khải thường ngắn, gấp do câu văn bị cắt ra thành nhiều ý hoặc câu ngắn không đủ thành phần. Cách diễn đạt vừa kể, vừa nhận xét, bình luận, đối thoại tạo nên giọng văn tranh luận, hoặc tranh luận với ai đó, hoặc tranh luận với chính mình, có khi tranh luận với thời thế, với hiện tại và với cả tương lai.

Mạch văn Nguyễn Minh Châu dù viết về chuyện gì cũng vẫn giữ được cấu trúc câu cân đối. Mạch chảy của văn Nguyễn Minh Châu giống như mạch chảy của dòng sông phía hạ nguồn, chậm, hiền hòa trên mặt nước nhưng sâu thẳm và rộng lớn ở chiều sâu.

Tiểu kết

Những điểm tương đồng và khác biệt trong thể hiện yếu tố triết luận của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải cho thấy thực tiễn của sáng tạo. Văn học nghệ thuật đi ra từ đời sống, chịu sự tác động, chi phối của đời sống nên những yêu cầu từ đời sống sẽ in dấu ấn rõ nét trong các tác phẩm. Đời sống văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám bị/ được chi phối bởi yêu cầu chính trị nên trong tư duy và cách thể hiện có những điểm gặp gỡ.

Tư duy triết luận không chỉ được bật ra từ yêu cầu đời sống mà còn từ chính nhu cầu của người sáng tác, đặc điểm, cá tính của họ. Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đều là những nhà văn ham thích triết lý, triết luận, bởi cả hai ông đều đề cao tính tư tưởng của văn chương, đề cao trí tuệ và tư duy phân biện. Tuy nhiên, là những cây bút tài năng, họ biết tìm kiếm ra cách thức tái hiện theo con đường riêng của mình.

KẾT LUẬN

Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải, hai cây bút tiêu biểu của nền văn học Việt Nam hiện đại sau cách mạng tháng Tám. Suốt mấy chục năm qua, tác phẩm của họ đã làm say mê bao thế hệ độc giả. Cả hai cây bút đều ưa thích triết luận và tài năng đã giúp họ tạo nên phong cách triết luận của riêng mình. Luận án đặt vấn đề nghiên cứu yếu tố triết luận trong tác phẩm của hai tác giả Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu nhằm góp thêm tiếng nói khoa học vào việc giải mã đặc điểm trong tư duy và bút pháp của hai cây bút văn chương có đóng góp xuất sắc cho tiến trình vận động và phát triển của nền văn học nước nhà.

Luận án đặt ra mục tiêu nhiệm vụ là, trên cơ sở nghiên cứu yếu tố triết luận trong tác phẩm của từng tác giả sẽ đặt vấn đề so sánh để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt trong bút pháp triết luận của hai tác giả, từ đó, góp phần khẳng định nghệ thuật viết truyện độc đáo của hai cây bút.

Mục tiêu nhiệm vụ của luận án được thể hiện trong cấu trúc bốn chương: chương một, luận án đặt vấn đề xác lập nội hàm khái niệm “triết luận”, vị trí của yếu tố triết luận trong tác phẩm văn chương. Đây là nền tảng lý thuyết để luận án làm căn cứ khảo sát, đánh giá yếu tố triết luận trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải. Để đảm bảo tính khoa học và tính mới của đề tài, luận án cũng đã khảo sát kỹ lưỡng các công trình nghiên cứu về tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải những năm qua, luận án đã tìm thấy sự đồng thuận trong sự cảm nhận và quan điểm đánh giá: Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu là những cây bút triết luận xuất sắc và yếu tố triết luận là phẩm chất nổi trội, làm nên tính đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của hai tác giả. Tuy nhiên, việc nghiên cứu một toàn diện, hệ thống và chuyên sâu để chỉ ra yếu tố triết luận của cả hai tác giả với cái nhìn so sánh, chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau trong tư duy và cách thức triết luận của họ thì chưa có công trình nào đặt vấn đề nghiên cứu, tìm hiểu.

Nghiên cứu yếu tố triết luận trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải, luận án đặt vấn đề tìm hiểu nguyên nhân cả khách quan và chủ quan dẫn đến hoặc chi phối việc hình thành yếu tố triết luận trong phong cách hai tác giả. Bởi, chúng tôi hiểu rằng, nền văn học Việt Nam sau 1945 chịu sự tác động và chi phối mạnh mẽ của hoàn cảnh lịch sử - văn hóa xã hội, một nền văn học “đứng trong chính trị” và “phục tùng chính trị”, nhà văn “bút súng một lòng phục vụ công nông binh”. Dĩ nhiên, tính “phục tùng” ấy không đơn giản nằm trong nguyên tắc bất biến mà có sự vận động, thay đổi theo yêu cầu của lịch sử - xã hội. Chẳng hạn, đời sống xã hội của đất nước sau 1986 là thời kỳ hội nhập thế giới. Là những cây bút tài năng, Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đã kết hợp một cách linh hoạt và sáng tạo giữa thực hiện nhiệm vụ “bút súng một lòng” phục vụ đất nước với cá tính nghệ thuật của mình. Nghiên cứu điều này, luận án rút ra những điều thú vị: thứ nhất, việc hình thành phong cách văn chương của mỗi tác giả không chỉ có yếu tố chủ quan (khí chất tâm lý, tính cách, sở thích, niềm đam mê...) mà còn có yếu tố khách quan (tâm lý thời đại, nhu cầu của dân tộc, xu thế xã hội...). Đường như, hành trình chiếm lĩnh nghệ thuật, cũng là đích đến của mỗi tác giả luôn có sự song hành và hội tụ của thực tiễn khách quan và tài năng tác giả. Nguyễn Minh Châu và

Nguyễn Khải đều đam mê triết luận, đam mê ấy đã gặp gỡ với thực tiễn và yêu cầu của thời đại khiến những vấn đề mà các tác giả đặt ra trong tác phẩm vừa có tính thời sự vừa có tính phổ quát.

Ý tổ triết luận trong tác phẩm Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải đã trở thành tư duy nghệ thuật nghệ thuật của nhà văn, xuyên suốt thống nhất từ nội dung đến hình thức, từ quan niệm nghệ thuật đến phương thức thể hiện. Luận án đã tìm hiểu, nghiên cứu và chỉ ra một cách hệ thống những đặc điểm của yếu tố triết luận trong bút pháp của hai tác giả qua các phương diện kết cấu tác phẩm: đề tài - chủ đề, cốt truyện, nhân vật và trần thuật. Từ kết quả nghiên cứu, luận án cho rằng yếu tố triết luận đã trở thành tư duy nghệ thuật chi phối toàn bộ phương thức tổ chức tác phẩm, bộc lộ từ những sáng tác đầu tiên đến những tác phẩm cuối cùng, tạo nên cá tính, phong cách tác giả. Tư tưởng khoa học này được thể hiện ở chương hai và chương ba của luận án.

Cuối cùng vấn đề so sánh để chỉ ra những điểm giống và khác nhau trong yếu tố triết luận của hai tác giả đã được triển khai ở chương bốn của luận án. Nhất quán trong tổ chức vấn đề nghiên cứu, sự so sánh được soi rọi từ những cấp độ thể loại của tác phẩm. Luận án vừa làm rõ hơn những tác động tạo nên phẩm chất triết luận trong bút pháp tác giả, song, quan trọng hơn là bổ sung thêm, làm sáng tỏ hơn cá tính, phẩm chất thẩm mỹ riêng trong tư duy và cách thức triết luận của mỗi cây bút. Sự gặp gỡ trong tư duy và cách thức thể hiện yếu tố triết luận của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là: đề tài, chủ đề trong tác phẩm của họ đều có tính luận đề, nghĩa là tác phẩm của họ lộ rõ tính tư tưởng và xu hướng thông qua tác phẩm để làm sáng tỏ tư tưởng ấy. Điều này dẫn đến sự gặp gỡ thứ hai, đó là nhân vật giàu tính biểu tượng. Đó là những cây bút đi đầu trong việc dùng ngòi bút phục vụ các nhiệm vụ cách mạng, nhân vật biểu tượng của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải hướng đến những nội dung và ý nghĩa sau: biểu tượng cho con người - xã hội, biểu tượng cho cái Đẹp, đạo đức, nhân cách của chuẩn mực xã hội, biểu tượng đạt đến tâm “cổ mẫu” với giá trị nhân bản. Hai tác giả cũng gặp nhau trong bút pháp trần thuật khi cùng lúc phối hợp kể - tả và bình luận, đánh giá, bởi đề triết luận, nhà văn cần thiết phải sử dụng cách diễn đạt này.

Tuy nhiên, bản lĩnh sáng tạo của hai tác giả bộc lộ ở chính lần ranh giới giữa chung và riêng, giống và khác này. Đó là hai tác giả vẫn thể hiện sự khác biệt trong cách tiếp cận hiện thực và cách thức tái hiện. Người đọc bị hấp dẫn bởi chính sự khác biệt giữa họ chứ không phải ở sự giống nhau. Cùng tiếp cận hiện thực cùng thời nhưng Nguyễn Khải quan tâm nhiều hơn đến “thời thế”, “thời cuộc”, Nguyễn Minh Châu lại

ngiên về câu chuyện của những con người ứng xử với thời cuộc ấy như thế nào - những vấn đề nhân bản. Điều này dẫn đến khác biệt tất yếu khác: nhân vật của Nguyễn Khải là con người - xã hội, gắn rất chặt với thời cuộc - xã hội. Hành xử của họ, thậm chí tâm lý, tính cách của họ có mối liên hệ mật thiết với xã hội, thời cuộc. Nhân vật của Nguyễn Minh Châu tuy không đứng ngoài thời cuộc ấy, song, họ vẫn có thể giới riêng của họ, thậm chí có những tính cách “biệt lập” đến mức, họ ứng xử với thế giới xung quanh theo quan điểm riêng rất kiên định của mình, theo nguyên tắc đạo đức mà họ đã thấm nhuần từ căn cốt. Vì vậy mà dẫn đến khác biệt cơ bản khác, khác biệt trong giọng điệu trần thuật: một Nguyễn Khải sắc sảo, “ghê gớm” trong ngôn từ và lập luận; một Nguyễn Minh Châu điềm đạm, nhẹ nhàng trong ngôn ngữ và giọng điệu. Mỗi người một vẻ, họ đã trình diễn và chinh phục độc giả bằng sáng tạo nghệ thuật độc đáo của riêng mình.

Luận án, với sự nỗ lực công phu và nghiêm túc đã góp thêm tiếng nói khoa học vào mục tiêu làm nên hình dung rõ rệt nhất về cá tính sáng tạo của hai cây bút đã đem lại niềm tự hào cho nền văn học Việt Nam hiện đại.